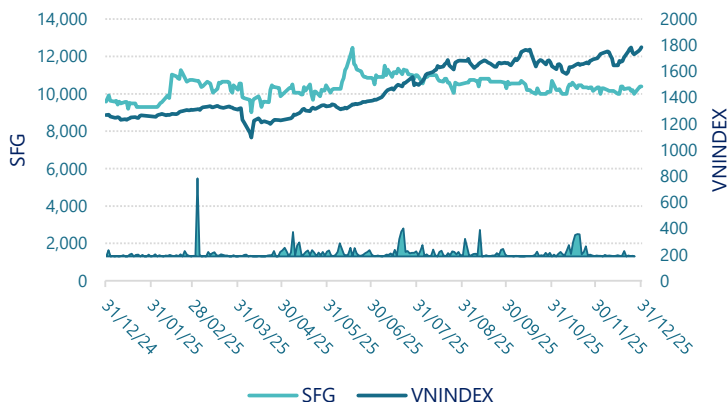




CTCP Phân bón Miền Nam (HSX: SFG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,463
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,012
SL cổ phiếu LH	47,897,333
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,470
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	498
P/E	16.2
EPS	644

DT thuần

Q4/25

328

tỷ VNĐ

QoQ: ▼350 | -51.7%

YoY: ▼182 | -35.8%

LN sau thuế

Q4/25

2.78

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.82 | -71.1%

YoY: ▼1.63 | -37.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.8%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

2025

2,066

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 466 | 29.1%

LN sau thuế

2025

30.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.10 | 20.0%

ROE

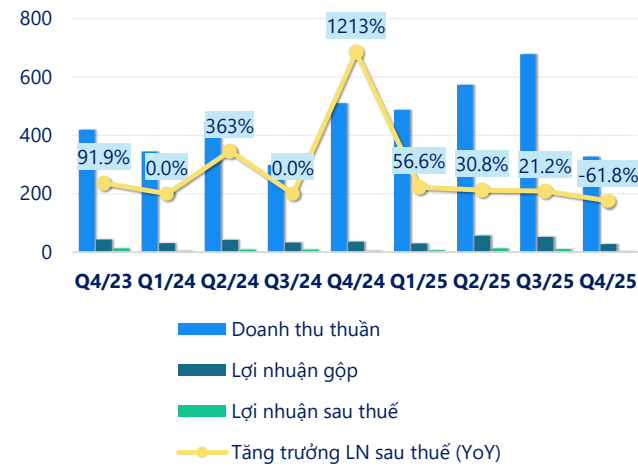
2025

4.7%

+/- YoY: ▲ 0.8%

tỷ VNĐ

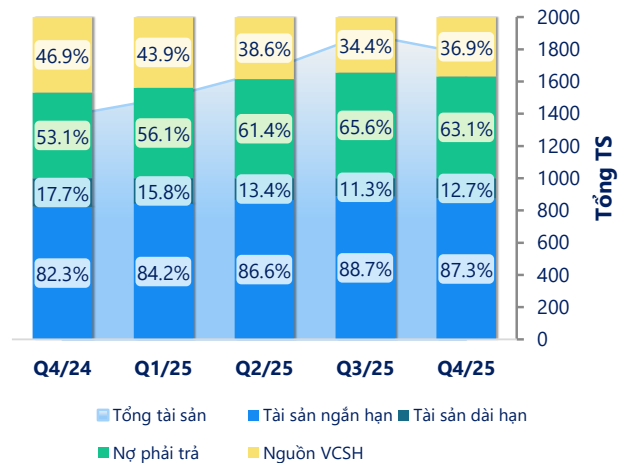
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

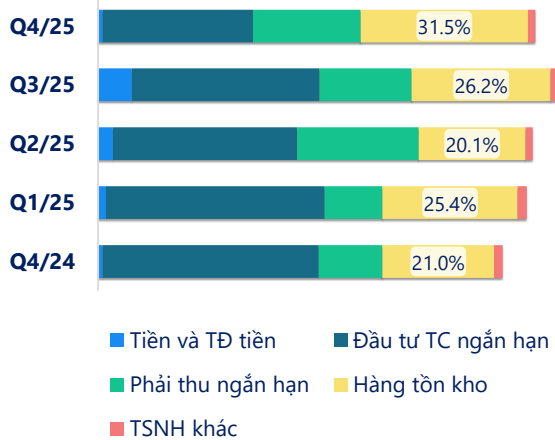
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



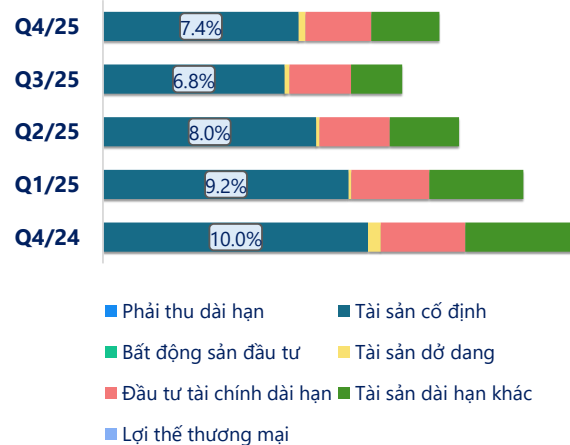
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

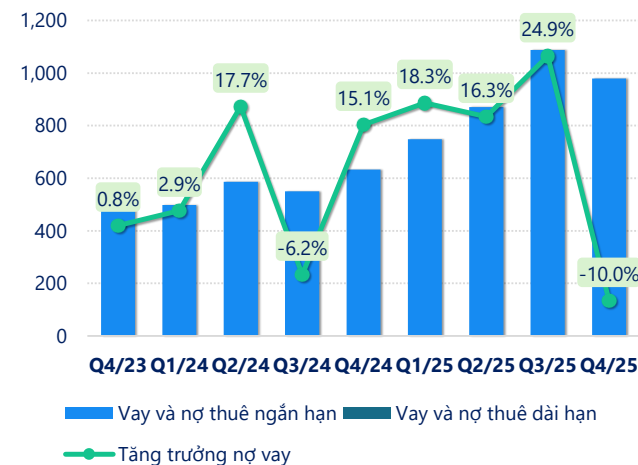
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

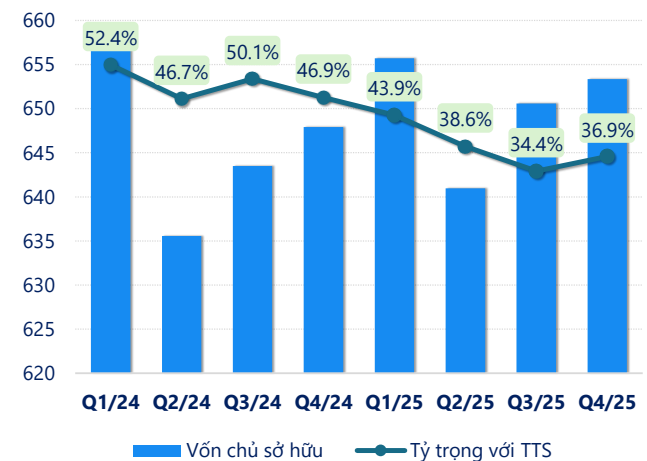
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

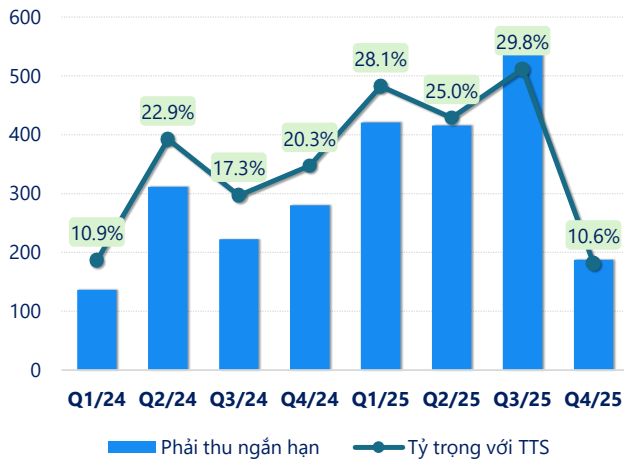
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



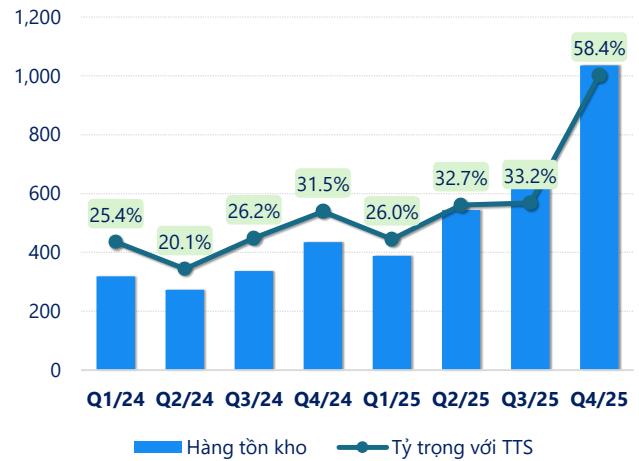
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


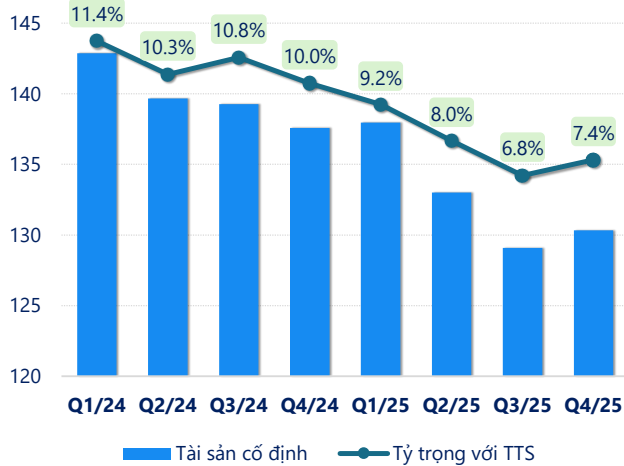
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


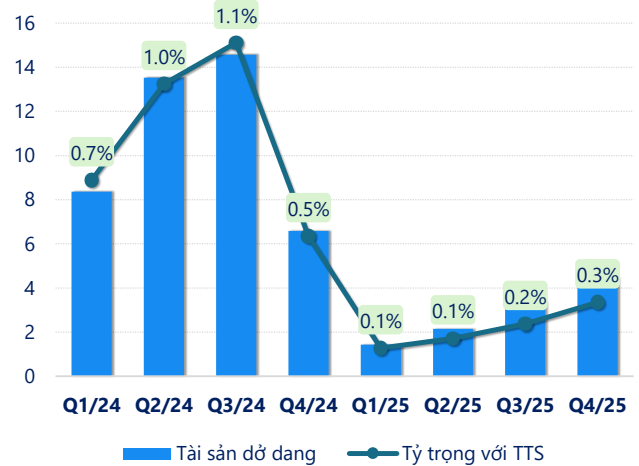
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

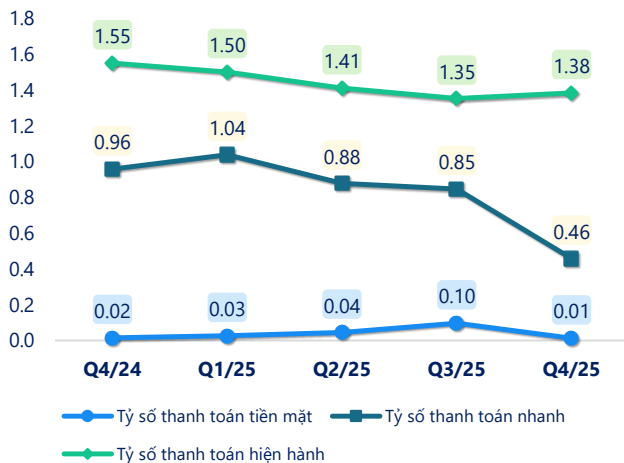
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

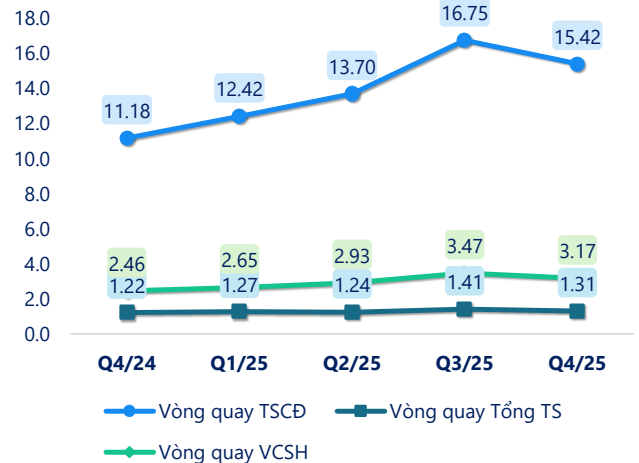
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,381	1,494	1,661	1,892	1,772
Tài sản ngắn hạn	1,136	1,258	1,439	1,679	1,548
Tiền và tương đương tiền	11.3	22.4	45.8	120	13.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	391	410	419	345	255
Phải thu ngắn hạn	280	421	415	565	188
Hàng tồn kho	435	388	544	627	1,036
Tài sản ngắn hạn khác	19.2	17.6	14.9	22.5	56.0
Tài sản dài hạn	245	236	223	213	224
Phải thu dài hạn	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17
Tài sản cố định	138	138	133	129	130
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.58	1.43	2.15	3.37	4.46
Đầu tư tài chính dài hạn	43.9	43.9	43.9	43.9	43.9
Tài sản dài hạn khác	56.6	52.7	43.4	36.5	45.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	733	838	1,020	1,242	1,119
Nợ ngắn hạn	733	838	1,020	1,241	1,118
Vay và nợ thuê ngắn hạn	633	749	870	1,087	979
Phải trả người bán ngắn hạn	53.2	54.5	69.5	49.2	60.6
Nợ dài hạn	0.26	0.26	0.26	0.26	0.26
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	648	656	641	651	653
Vốn chủ sở hữu	648	656	641	651	653
Vốn điều lệ	479	479	479	479	479
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)